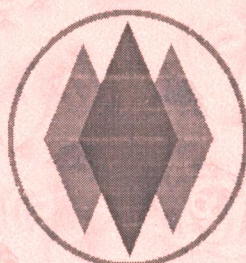


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



VNECO

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ 4 NĂM 2010**

(KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC TẠI NGÀY 31/12/2010)

THÁNG 02 NĂM 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(QUÝ 4 NĂM 2010 - DẠNG ĐẦY ĐỦ)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ ngày 31/12/2010)	Số đầu năm (ngày 01/01/2010)
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		1.094.176.097.839	1.215.309.443.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		24.615.147.476	76.818.127.864
1. Tiền	111	V.01	24.615.147.476	76.818.127.864
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	77.349.868.545	157.800.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		80.197.471.655	160.150.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(2.847.603.110)	(2.350.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		856.308.874.361	971.799.757.603
1. Phải thu của khách hàng	131		176.908.901.976	140.966.655.842
2. Trả trước cho người bán	132		170.975.186.545	458.317.152.524
3. Phải thu nội bộ	133		65.533.437	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	509.457.051.287	373.392.235.212
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.097.798.884)	(876.285.975)
IV. Hàng tồn kho	140		92.408.650.161	144.061.921.202
1. Hàng tồn kho	141	V.04	92.408.650.161	144.061.921.202
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		43.493.557.296	22.471.836.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.375.381.381	2.122.621.991
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.129.976.207	208.651.834
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.05	0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		36.988.199.708	20.140.562.699
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		739.783.070.595	747.068.468.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.034.374.051	9.421.845.121
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	6.199.374.051	9.586.845.121
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(165.000.000)	(165.000.000)
II. Tài sản cố định	220		625.470.824.325	590.604.376.226
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	236.308.911.463	221.478.205.320
- Nguyên giá	222		332.931.448.393	306.340.103.522
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96.622.536.930)	(84.861.898.202)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	93.404.755.587	93.382.943.770
- Nguyên giá	228		93.980.078.363	93.919.706.363
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(575.322.776)	(536.762.593)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	295.757.157.275	275.743.227.136
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		92.484.419.857	130.962.089.328
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.201.862.295	68.280.450.875
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	58.502.537.562	62.733.902.782
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(2.219.980.000)	(52.264.329)
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.793.452.362	16.080.158.032
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	15.793.452.362	16.064.559.941
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	15.598.091
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		1.833.959.168.434	1.962.377.911.900

Chỉ tiêu nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ ngày 31/12/2010)	Số đầu năm (ngày 01/01/2010)
A. Nợ phải trả (300=310+320)	300		1.105.066.143.732	1.490.094.168.158
I. Nợ ngắn hạn	310		366.564.811.448	613.162.258.155
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	42.524.526.200	145.512.586.419
2. Phải trả người bán	312		93.757.287.589	112.188.881.856
3. Người mua trả tiền trước	313		41.931.862.393	91.576.233.994
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	12.336.232.338	40.477.475.255
5. Phải trả người lao động	315		11.251.386.755	15.777.786.898
6. Chi phí phải trả	316	V.17	110.397.057.050	130.828.541.162
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	37.433.899.711	61.760.899.067
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		6.961.556.626	11.067.648.237
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			9.971.002.786	3.972.205.267
II. Nợ dài hạn	330		738.501.332.284	876.931.910.003
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		11.377.625	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	738.160.568.203	876.667.323.870
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		329.386.456	264.586.133
7. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	0
B. Vốn chủ sở hữu (400=410+420)	400		656.105.546.249	400.252.001.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	656.105.546.249	400.252.001.892
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		637.210.610.000	320.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.751.236.556	2.751.236.556
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		746.028.449	295.101.555
4. Cổ phiếu quỹ	414		(28.589.270.515)	(21.427.489.692)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.356.952)	346.930.882
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.568.888.552	5.562.936.090
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		9.857.172.730	5.472.342.454
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	96.196.017
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.566.237.429	87.154.748.030
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
C. Lợi ích cổ đông thiểu số	439		72.787.478.453	72.031.741.850
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1.833.959.168.434	1.962.377.911.900

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(DẠNG ĐẦY ĐỦ - QUÝ 4 NĂM 2010)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	T.M	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	153.501.940.597	196.690.873.623	355.500.525.580	509.422.010.749
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	375.617.000	36.526.681
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10		153.501.940.597	196.690.873.623	355.124.908.580	509.385.484.068
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	126.000.894.164	173.307.380.943	285.154.756.044	441.966.735.465
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		27.501.046.433	23.383.492.680	69.970.152.536	67.418.748.603
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7.476.742.943	25.760.961.988	54.605.003.464	28.438.317.019
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	24.495.598.226	28.288.181.765	88.366.002.095	89.199.982.175
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		20.353.200.648	32.540.329.088	80.062.652.372	88.958.624.575
8. Chi phí bán hàng	24		490.905.916	481.071.745	1.783.370.381	2.108.632.729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11.990.780.858	12.209.276.702	37.301.479.569	32.619.213.600
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.999.495.624)	8.165.924.456	(2.875.696.045)	(28.070.762.882)
11. Thu nhập khác	31		9.915.092.271	40.770.530.318	103.131.763.771	403.418.986.556
12. Chi phí khác	32		975.538.529	4.864.600.404	69.286.154.950	274.598.786.275
13. Lợi nhuận khác	40		8.939.553.742	35.905.929.914	33.845.608.821	128.820.200.281
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		92.110.847	1.446.784.171	2.800.119.612	10.262.378.138
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.032.168.965	45.518.638.540	33.770.032.388	111.011.815.537
16. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	2.515.726.255	10.623.697.833	7.252.561.834	17.191.975.742
16.1. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	130.972.756	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.385.469.954	34.894.940.707	26.517.470.554	93.819.839.795
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.474.605.369	7.209.746.522	1.605.786.503	6.088.984.166
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		2.910.864.585	27.685.194.186	24.911.684.051	87.730.855.629
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		46,50	874,86	397,91	2.772,31

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang



Đoàn Đức Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**QUÝ 4 NĂM 2010***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			(Từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010)	(Từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		350.664.985.236	415.191.578.045
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	2		(256.404.778.265)	(259.455.129.048)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(40.830.264.332)	(33.281.650.260)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(70.512.231.028)	(69.233.765.726)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(7.712.357.917)	(11.576.801.760)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		600.581.876.295	141.862.248.635
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(813.029.196.743)	(180.335.482.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		(237.241.966.754)	3.170.996.896
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(85.491.487.579)	(67.739.671.550)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		213.590.381.191	393.550.788.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.438.141.300)	(2.817.564.656)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.153.819.484	82.186.304
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(36.164.203.853)	(2.650.556.660)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		60.165.016.124	34.455.444.550
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.821.154.757	229.422.391
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		155.636.538.824	355.110.049.015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		318.771.962.478	545.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP đã phát hành	32		(7.039.440.349)	(186.341.400)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		144.957.695.431	347.812.491.893
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(412.169.735.101)	(675.894.134.205)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.208.057.618)	(536.044.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		29.312.424.841	(328.259.028.124)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(52.293.003.089)	30.022.017.787
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76.818.127.864	46.804.964.763
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		90.022.701	(8.854.686)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	24.615.147.476	76.818.127.864

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1- Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (Sau đây được viết tắt là “Tổng công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005. đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 26 tháng 3 năm 2007.

Ngày 06 tháng 08 năm 2009 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 2.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010 Tổng Công ty hoạt động theo giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp đăng ký thay đổi lần thứ 3.

Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam có tên giao dịch:

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO

Địa chỉ trụ sở chính : Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại : 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

Website

: www.vneco.com.vn

: www.vneco.biz

E-mail

: vneco@dng.vnn.vn

: vneco@vneco.com.vn

Logo

:



VNECO

Cơ cấu Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2010 như sau:

- Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm 09 đơn vị:**

	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ tại 31/12/2010 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng cty tại 31/12/2010
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197.100.000	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	9.046.630.000	47,91%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	12.000.000.000	43,72%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000.000.000	65,73%
5.	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384.748.000	60,85%
6.	Công ty CP Kết cấu thép & Mạ kẽm MÊCA.VNECO	Huyện Nhà bè - Tp.HCM	90.075.000.000	70,05%
7.	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.900.000.000	79,11%
8.	Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868.021.413	63,50%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Công ty CP Đầu tư và XD Điện Hồi Xuân VNECO Huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa 65.003.422.478 98,46%

- Công ty liên con không được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:**

- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại VNECO Huế do Tổng Công ty đang hoàn thiện thủ tục xúc tiến đầu tư và chưa góp vốn.

- Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu gồm 6 đơn vị:**

Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ tại 31/12/2010 (VND)	Tỷ lệ vốn thực góp của Tổng cty tại 31/12/2010
1. Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	18.611.410.000	31,45%
2. Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	13.500.000.000	30,00%
3. Công ty CP xây dựng điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	24.225.000.000	37,74%
4. Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	30.677.700.000	31,16%
5. Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	9.984.500.000	30,05%
6. Công ty CP xây dựng điện VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	35.000.000.000	47,66%

Công ty liên kết không áp dụng theo phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất: không có

Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng tỷ lệ vốn thực góp của Tổng công ty vào công ty con, công ty liên kết.

❖ **Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Tổng công ty**

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong giai đoạn tài chính từ 01/01/2010 đến 31/12/2010 và tới ngày lập Báo cáo này gồm:

- Hội đồng quản trị:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Bình	Ủy viên	
Ông Nguyễn Thành Đồng	Ủy viên	
Ông Phan Anh Quang	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Ủy viên	
Ông Phan Tất Trung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2010
Ông Thái Văn Chấn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 25/05/2010

- Ban Lãnh đạo:**

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Đồng	Phó Tổng giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 07/10/2010
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng giám đốc	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Ông Nguyễn Tịnh

Phó Tổng giám đốc

Ông Ngô Văn Cường

Phó Tổng giám đốc

Ông Phan Anh Quang

Kế toán trưởng

❖ Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty:

Ông: Đoàn Đức Hồng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty.

❖ Thành phần Ban kiểm soát Tổng công ty:

Ông Hồ Bá Thân

Trưởng Ban

Từ nhiệm ngày 25/05/2010

Ông Đào Hữu Chuộng

Trưởng Ban

Bổ nhiệm ngày 25/05/2010

Ông Lê Thanh Nhã

Thành viên

Bà Thái Thị Thùy Trang

Thành viên

Hình thức sở hữu vốn: Hỗn hợp

Vốn điều lệ của Tổng Công ty tại 31/12/2010 là 637.210.610.000 đồng (Sáu trăm ba mươi bảy tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm mười ngàn đồng).

Tại ngày 29/09/2010, thời điểm chốt danh sách cổ đông sau phát hành trả cổ tức năm 2009 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2010 để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

- ✓ Nhà nước đóng góp số tiền là 189.000.000.000 đồng tương đương 29,661% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ phiếu ngân quỹ 2.789.200.000 đồng tương đương với 0.438% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông khác góp 222.710.800.000 đồng tương đương với 69,60% vốn điều lệ của Tổng Công ty.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân trong nước nắm giữ: 97,322% vốn điều lệ.
- ✓ Cổ đông là tổ chức, cá nhân nước ngoài nắm giữ: 2,240% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị; đầu tư tài chính; kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành.

3. Ngành nghề kinh doanh

Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;

Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;

Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;

Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;

Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

Đầu tư tài chính;

Sản xuất và kinh doanh điện;

Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;

Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;

Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;

Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;

Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;

Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;

Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;

Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006; Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng đảm bảo đã được kiểm kê, có đầy đủ xác nhận số dư của các Ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra VND: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- TSCĐ vô hình không phải là quyền sử dụng đất lâu dài được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với thời gian sử dụng ước tính của từng tài sản; đối với quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo Thông tư số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/03/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Tổng công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: Được khấu hao theo phương pháp đường thẳng phù hợp với chuẩn mực số 05 - Bất động sản đầu tư ban hành kèm theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/3/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

5- Phương pháp ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản đầu tư công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu; các khoản đầu tư tài chính khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư có tổn thất Tổng công ty tiến hành xác định giá trị tổn thất để lập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 17/02/2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

Chi phí đi vay phục vụ các công trình xây dựng cơ bản, các dự án đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị được vốn hóa vào giá trị công trình đầu tư khi đủ điều kiện vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh bao gồm lợi thế thương mại của Tổng công ty; chi phí đào tạo và công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: ghi nhận các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa phát sinh việc chi trả; khoản đã được các đơn vị nhận thi công, các đơn vị thầu phụ ghi nhận vào chi phí của công trình nhưng đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán chưa hoàn thiện đầy đủ các thủ tục để thanh toán với Tổng công ty. Tuy nhiên, khối lượng các công trình, các hạng mục công trình đó đã được nghiệm thu bàn giao cho chủ đầu tư.

Trích trước chi phí sửa chữa lớn: Nhằm đảm bảo giá thành ổn định giữa các kỳ trong năm tài chính căn cứ vào kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt, cuối năm tài chính nếu số trích trước lớn hơn chi phí thực tế phát sinh thì chênh lệch trích thừa được hoàn nhập giảm chi phí trong năm.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Doanh thu bán hàng: tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu dịch vụ: được ghi nhận phù hợp với hướng dẫn tại chuẩn mực kế toán số 14 - doanh thu và thu nhập khác. Đối với phần công việc hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động xây lắp: được ghi nhận khi giá trị xây lắp được xác định một cách đáng tin cậy; căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công trình hoàn thành và phiếu giá được xác định giữa chủ đầu tư và Tổng công ty, hoá đơn đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động tài chính: phản ánh các khoản doanh thu tiền lãi trong kỳ kế toán, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ kế toán và cổ tức, lợi nhuận được chia.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ kế toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán; kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản; các khoản chi phí đầu tư tài chính khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1 - Tiền	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	1.930.012.506	2.317.613.382
Tiền gửi ngân hàng	22.530.154.970	74.500.514.482
Tiền đang chuyển	154.980.000	-
Cộng	24.615.147.476	76.818.127.864

2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn ^(a)	80.197.471.655	160.150.000
Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn ^(b)	(2.847.603.110)	(2.350.000)
Cộng	77.349.868.545	157.800.000

(a)- Chi tiết đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty mẹ đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	8.323.828.493	-
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	1.151.852	10.150.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	2.232.731.310	-
Công ty mẹ đầu tư ngắn hạn khác	67.689.760.000	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư ngắn hạn khác	150.000.000	150.000.000
Công ty CP XD Điện Hời Xuân VNECO đầu tư ngắn hạn khác	1.800.000.000	-
Cộng	80.197.471.655	160.150.000

(b)- Dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 - Dự phòng đầu tư ngắn hạn cổ phiếu VE9	-	(2.350.000)
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(414.841.310)	-
Công ty mẹ - Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.432.761.800)	-
Cộng	(2.847.603.110)	(2.350.000)

3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phải thu người lao động	1.707.488.496	1.371.434.600
Kinh phí công đoàn	17.646.771	950.427
Phải thu khác các công ty liên kết trong tổ hợp	34.505.624.538	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	415.240.650	90.807.686
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	221.520.274
Phải thu khác (*)	472.811.050.832	371.707.522.225
Cộng	509.457.051.287	373.392.235.212

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(*) Các khoản phải thu khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Các khoản thu khác tại Công ty mẹ	465.930.556.190	371.707.522.225
Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thùy Vân	182.520.858.333	182.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	22.819.715.546	22.819.715.546
Lý Quốc Cường	3.100.601.109	3.100.601.109
Ban QLDA các công trình Điện Miền Bắc làm chủ đầu tư	9.708.882.356	82.513.966.982
Phải thu cổ tức tại các đơn vị trong tổ hợp	2.893.058.224	12.284.551.427
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	48.343.771	2.636.333.583
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	20.824.454.816	25.430.170.948
Tổng cục kỹ thuật Bộ Công An	2.590.000.001	2.590.000.001
Công ty TNHH Huawei	4.682.687.222	9.153.152.227
Công ty Toàn cầu (Hợp đồng số F-00029)	-	3.362.648.466
Công ty CP Sông Ba (công trình Thủy điện Krông H'nh)	-	6.524.158.833
Ban QLDA Thủy điện 7 (công trình Thủy điện An Khê - Ka Nak)	698.338.698	6.727.370.958
Ngô Kim Huệ	200.000.000.000	
Công Ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	5.665.822.222	
Công ty CP Xây lắp Điện 1	4.257.738.031	
Đối tượng khác	6.120.055.861	12.043.993.812
- Các khoản thu khác tại các Công ty con	6.880.494.642	-
Cộng	472.811.050.832	371.707.522.225

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
4 - Hàng tồn kho		
Hàng đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.531.022.680	25.338.351.252
Công cụ, dụng cụ	877.150.093	1.013.931.590
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.890.173.127	102.154.780.701
Thành phẩm	18.445.839.661	12.518.974.275
Hàng hóa	2.660.306.681	3.031.725.465
Hàng gửi đi bán	4.157.919	4.157.919
Cộng giá gốc hàng tồn kho	92.408.650.161	144.061.921.202

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
5 - Thuế và các khoản phải thu		
Các khoản phải thu nhà nước khác	0	-
Cộng	-	-

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
7 - Phải thu dài hạn khác		
Phải thu dài hạn khác về giao dịch liên quan đến TSCĐ giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	6.172.272.424	9.586.845.121

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phải thu dài hạn khác

27.101.627

Cộng**6.199.374.051****9.586.845.121****8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ HH					
Tại 01/01/2010	223.083.867.495	35.330.702.082	37.854.622.835	10.070.911.110	306.340.103.522
Tăng trong kỳ	25.721.647.006	16.645.992.015	91.182.092	343.455.952	42.802.277.065
- Đầu tư XDCB hoàn thành	45.512.762	0	0	0	45.512.762
- Đầu tư mua sắm mới	25.676.134.244	3.161.569.426	91.182.092	343.455.952	29.272.341.714
- Tăng khác	0	13.484.422.589	0	0	13.484.422.589
Giảm trong kỳ	8.370.953.789	267.298.600	7.154.260.423	418.419.382	16.210.932.194
- Thanh lý, nhượng bán	0	267.298.600	2.305.986.910	130.724.095	2.704.009.605
- Giảm khác	8.370.953.789	0	4.848.273.513	287.695.287	13.506.922.589
Tại 31/12/2010	240.434.560.712	51.709.395.497	30.791.544.504	9.995.947.680	332.931.448.393
HAO MÒN					
Tại 01/01/2010	25.585.479.427	34.421.220.517	21.513.750.159	3.341.448.099	84.861.898.202
Tăng trong kỳ	7.390.659.275	4.013.830.154	4.281.617.474	444.072.740	16.130.179.643
- Khấu hao trong kỳ	6.486.502.061	4.013.830.154	3.425.402.575	441.078.168	14.366.812.958
- Tăng khác	904.157.214	0	856.214.899	2.994.572	1.763.366.685
Giảm trong kỳ	0	2.015.274.355	2.223.542.465	130.724.095	4.369.540.915
- Thanh lý, nhượng bán	0	251.907.670	2.223.542.465	130.724.095	2.606.174.230
- Giảm khác	0	1.763.366.685	0	0	1.763.366.685
Tại 31/12/2010	32.976.138.702	36.419.776.316	23.571.825.168	3.654.796.744	96.622.536.930
GT CÒN LẠI TSCĐ HH					
Tại 01/01/2010	197.498.388.068	909.481.565	16.340.872.676	6.729.463.011	221.478.205.320
Tại 31/12/2010	207.458.422.010	15.289.619.181	7.219.719.336	6.341.150.936	236.308.911.463

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10 - Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ VH				
Tại 01/01/2010	93.299.419.503	50.086.320	570.200.540	93.919.706.363
Tăng trong kỳ	41.272.000	0	19.100.000	60.372.000
- Mua trong kỳ	0	0	19.100.000	19.100.000
- Tăng khác	41.272.000	0	0	41.272.000
Giảm trong kỳ	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/12/2010	93.340.691.503	50.086.320	589.300.540	93.980.078.363
HAO MÒN				
Tại 01/01/2010	0	50.086.320	486.676.273	536.762.593
Tăng trong kỳ	0	0	38.560.183	38.560.183
- Khấu hao trong kỳ	0	0	38.560.183	38.560.183
- Tăng khác	0	0	0	0
Giảm trong kỳ	0	0	0	0
- Thanh lý, nhượng bán	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0
Tại 31/12/2010	0	50.086.320	525.236.456	575.322.776
GT CÒN LẠI TSCĐ VH				
Tại 01/01/2010	93.299.419.503	0	83.524.267	93.382.943.770
Tại 31/12/2010	93.340.691.503	0	64.064.084	93.404.755.587

11 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	295.757.157.275	275.743.227.136
Cộng	295.757.157.275	275.743.227.136

(*) Trong đó một số công trình lớn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- DA đầu tư khu Du lịch Xanh Lãng Cô (VNECO)	9.577.903.648	8.671.787.640
- DA đầu tư Khu Du lịch sinh thái Hoàng Sơn (VNECO)	3.144.900.421	3.048.706.821
- DA đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế (VNECO)	26.141.361.420	13.735.694.754

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- DA đầu tư khu ở phân lô, đường Nguyễn Chánh, Hoà Khánh (VNECO)	-	15.992.733.018
- Dự án Siêu Thị GREEN MART (Đà Nẵng) (VNECO)	45.831.550.582	36.388.534.371
- Dự án Khu dân cư VNECO 10,7HA thuộc Xã Tân Túc, H. Bình Chánh (VNECO)	-	65.311.422.614
- Dự án khu cao ốc VP VNECO tại Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Hồ Chí Minh (VNECO)	39.944.239.972	28.718.063.114
- Dự án xây dựng tại 277 Bến Bình Đông (MÊCA VNECO)	91.198.841.221	84.468.282.074
- Dự án Nhà máy Thủy Điện Hồi Xuân	74.613.520.345	14.688.925.598
- Một số dự án khác	5.304.839.666	4.719.077.132
Cộng	295.757.157.275	275.743.227.136

13 - Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu ^(a)	58.502.537.562	62.728.902.782
Đầu tư trái phiếu ^(b)	-	5.000.000
Cộng	58.502.537.562	62.733.902.782

(a) Đầu tư cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	6.517.000.000	6.517.000.000
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Thủy điện Sông Chơ	3.695.521.472	3.695.521.472
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 1	704.900.000	3.204.900.000
- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	3.146.897.085	4.334.350.000
- Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	4.122.919.005	-
Công ty mẹ đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP KC Thép Thành Long - VINECO	27.000.000.000	27.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	-	2.500.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 đầu tư cổ phiếu khác	-	177.131.310
Công ty CP CP Tư vấn và Xây dựng VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	1.099.900.000	2.500.000.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	1.915.400.000	2.500.000.000
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO đầu tư cổ phiếu vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO đầu tư cổ phiếu vào	300.000.000	300.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sông Ba

Cộng	58.502.537.562	62.728.902.782
(b) Đầu tư trái phiếu	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 đầu tư vào Trái phiếu giáo dục	-	5.000.000
Cộng	-	5.000.000
14 - Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	240.357.265	380.149.130
Giá trị lợi thế kinh doanh	380.149.130	380.149.130
Giá trị công cụ, dụng cụ và chi phí đào tạo	6.234.584.763	5.398.280.124
Chi phí phát hành trái phiếu	1.518.714.987	3.012.777.776
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.419.646.217	7.273.352.911
Cộng	15.793.452.362	16.064.559.941
15 - Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	42.524.526.200	145.512.586.419
Cộng	42.524.526.200	145.512.586.419
(*) Vay ngắn hạn ngân hàng	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty mẹ vay:	14.977.125.583	82.757.684.296
+ Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân	8.245.709.819	46.185.767.692
+ Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	3.160.224.676	17.999.264.296
+ Tại Ngân hàng CPTM Công thương Liên Chiểu	3.571.191.088	12.154.712.687
+ Tại Ngân hàng Việt Nam Thương Tín Đà Nẵng	-	6.000.000.000
+ Tại Ngân hàng TMCP An Bình	-	417.939.621
+ Tại Công ty CP Chứng khoán NH Sài Gòn Thương Tín	-	-
Các Công ty con vay:	27.547.400.617	62.754.902.123
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	1.196.895.002	664.715.017
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	9.120.000.000	6.454.000.000
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	11.660.683.561	11.866.414.204
+ Công ty CP Đầu tư và XD Điện MẾCA VNECO	-	35.000.000.000
+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	2.089.639.395	3.800.725.110
+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	680.000.000	353.608.000
+ Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	1.779.139.573	2.049.439.792
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hối Xuân VNECO	-	840.000.000
+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4	1.021.043.086	1.726.000.000
Cộng	42.524.526.200	145.512.586.419

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	6.095.432.360	34.333.927.459
Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.562.097	14.458.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.885.501.368	6.121.319.265
Thuế thu nhập cá nhân	83.150.982	7.770.295
Thuế nhà đất	256.585.531	7.770.295
Cộng	12.336.232.338	40.477.475.255

17 - Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí trích trước cho các công trình ^(a)	109.840.486.887	129.999.560.202
Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả ^(b)	495.370.163	697.383.404
Chi phí phải trả khác ^(c)	61.200.000	131.597.556
Cộng	110.397.057.050	130.828.541.162

(a) Chi phí trích trước cho các công trình

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công mạng truyền hình nhà công vụ số 8 Bạch Đằng T26	498.687.000	498.687.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Camera Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Chợ Cồn	65.936.364	65.936.364
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT mạng tổng đài điện thoại Ngân hàng NN&PTNT, CN Chợ Cồn	278.624.727	278.624.727
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công HT Mạng trung tâm huấn luyện nghiệp vụ ngân hàng	28.580.419	28.580.419
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 11.1)	0	10.064.651.010
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 12.3)	1.081.537.388	18.402.879.638
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Sơn La - Hòa Bình & Sơn La - Nho Quan (gói 13.1)	1.096.192.020	13.786.609.477
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 5.3)	12.077.277.692	19.563.834.218
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500KV Sơn La - Hiệp Hoà (gói 7.1)	7.754.303.000	4.735.936.744
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (gói số 6)	0	456.496.120
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 500kV Phú Mỹ - Sông mây	11.386.997.893	12.297.874.627
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công TBA 500kV Ô Môn	-	3.737.867.062
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV NMD Cà Mau - Rạch Giá	227.445.405	467.597.748
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Ô Môn - Thốt Nốt	-	2.961.295.123

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Ô Môn - Sóc Trăng	10.700.140.062	3.933.357.781
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV TĐ Đồng Nai 3 - Trạm 500kV Đăk Nông	2.633.473.881	2.534.516.172
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Trạm BA 200kV Phan Thiết	752.717.662	2.874.641.957
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Mở rộng 02 ngăn lộ 220kV tại NMĐ Ô Môn	-	495.290.604
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công XL cột anten 70m, 75m tỉnh Kiên Giang, Đồng Tháp	-	2.297.363.637
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Thủy điện An Khê - Ka Nak	2.368.104.108	9.281.721.833
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Thủy điện Krông - H'năng	-	662.432.762
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng Hợp đồng số: F-00029 (Toàn cầu)	-	2.948.609.894
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng lắp đặt HT cột ăngten Huawei	900.000.000	5.045.145.796
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Khu cao ốc K/ sạn Văn Phòng 223 Trần Phú ĐN	1.767.100.068	1.767.100.068
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công Công trình Thủy điện A Roàng - Thừa Thiên Huế	615.080.000	615.080.000
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công cụm DATD Quảng Nam	403.347.273	1.709.822.236
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công hạ tầng KDC Nguyễn Chánh	1.277.147.948	0
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng cung cấp cột thép cho dự án Huawei	229.405.471	0
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng cung cấp lắp đặt HT TĐài, ĐT, MMT, AT NHàng Nông Nghiệp Q.Hải Châu	473.600.693	0
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công ĐZ 220kV Cay Lậy - Trà Nóc	6.776.142.457	0
Công ty mẹ trích trước phải trả cho khách hàng thi công DA Thủy Điện Hồi Xuân	43.324.830.708	0
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	8.171.373	103.475.255
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	660.450.890	1.314.946.672
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	96.106.405	85.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12 trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	690.472.532	3.087.862.611
Công ty CP T vấn và Xây dựng VNECO trích trước phải trả cho khách hàng thi công các công trình	1.663.025.808	3.896.322.647
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO trích trước phải trả cho khách hàng	5.587.640	0
Cộng	109.840.486.887	129.999.560.202

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

(b) Chi phí trích trước tiền lãi vay phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty mẹ dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	344.679.111	598.513.766
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	0	20.089.589
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8 dự chi tiền lãi vay phải trả cho các Ngân hàng thương mại	150.691.052	78.780.049
Cộng	495.370.163	697.383.404

(c) Chi phí phải trả khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 dự chi trả khoản điện nước	-	8.318.556
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3 dự chi các khoản chi phí kiểm toán, chi phí tư vấn niêm yết cổ phiếu	-	50.000.000
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4 trích trước phải trả thù lao HĐQT và thù lao Ban kiểm soát	61.200.000	61.200.000
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	12.079.000
Cộng	61.200.000	131.597.556

18 - Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	890.766.581	877.550.927
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.543.395.164	989.118.862
Cổ tức phải trả	57.597.679	18.626.986.346
Phải trả về cổ phần hóa	1.595.560.000	1.595.560.000
Phải trả phải nộp VNECO (cty con)	-	-
Các khoản phải trả khác ^(*)	33.346.580.287	39.671.682.932
Cộng	37.433.899.711	61.760.899.067

(*) Các khoản phải trả khác:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác tại Công ty mẹ:	28.968.573.171	37.367.369.551
Phải trả khoản lãi phát hành trái phiếu DN	12.687.500.001	12.828.472.222
Nhận tiền góp vốn vào dự án khu đất phân lô Nguyễn Chánh, TP Đà Nẵng	339.087.009	17.571.244.400
Phải trả tiền đền bù các công trình	73.192.203	73.192.203
Phải trả cho các Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO	15.272.831.900	4.234.097.314
Phải trả, phải nộp khác	595.962.058	2.660.363.412

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản phải trả, phải nộp khác tại các Công ty con:**4.378.007.116****2.304.313.381****Cộng****33.346.580.287****39.671.682.932****20- Vay và nợ dài hạn****31/12/2010****01/01/2010****VND****VND**Vay ngân hàng^(a)

238.160.568.203

376.667.323.870

Trái phiếu phát hành^(b)

500.000.000.000

500.000.000.000

Cộng**738.160.568.203****876.667.323.870****(a) Vay dài hạn****31/12/2010****01/01/2010****VND****VND****Tổng công ty vay****229.927.478.388****363.199.900.719**

+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Đà Nẵng

50.977.478.388

71.177.478.388

+ Tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Hải Vân

21.450.000.000

24.350.000.000

+ Tại Ngân hàng Công thương Liên Chiểu

-

5.221.798.571

+ Tại Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng

-

57.214.872.967

+ Tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Đà Nẵng

157.500.000.000

202.600.000.000

+ Tại Ngân hàng Công thương Huế

-

2.350.039.383

+ Tại Ngân hàng TMCP Quân đội Đà Nẵng

-

285.711.410

Các Công ty con vay**8.233.089.815****13.467.423.151**

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8

4.401.189.815

5.758.523.151

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4

889.000.000

1.143.000.000

+ Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12

800.000.000

1.100.000.000

+ Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO

562.500.000

812.500.000

+ Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

1.580.400.000

4.653.400.000

Cộng**238.160.568.203****376.667.323.870****(b) Trái phiếu phát hành:**

Loại trái phiếu:

Trái phiếu doanh nghiệp không có bảo đảm

Mệnh giá trái phiếu:

100.000 đồng/trái phiếu

Số lượng trái phiếu phát hành:

5.000.000

Lãi suất:

10,15%/năm

Ngày phát hành:

28/9/2007

Thời hạn:

05 năm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ DPTC	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LNST chưa PP	Cộng
Số dư đầu Q3/2010	320.000.000.000	2.751.236.556	664.554.181	(21.419.551.245)	303.561	6.166.211.455	9.828.166.593	87.651.686	18.129.483.228	336.208.056.015
- Tăng vốn trong kỳ	317.210.610.000	0	0	0	0	0	0	0	0	317.210.610.000
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	4.931.431.996	4.931.431.996
- Tăng khác	0	0	0	(647.457.651)	0	0	14.193.340	0	7.645.880.021	7.012.615.710
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	433.440.000	0	0	91.291.243	0	1.847.864	0	526.579.107
Số dư cuối Q3/2010, đầu Q4/2010	637.210.610.000	2.751.236.556	231.114.181	(22.067.008.896)	303.561	6.074.920.212	9.842.359.933	85.803.822	30.706.795.244	664.836.134.613
- Tăng vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	2.910.864.585	2.910.864.585
- Tăng khác	0	0	514.914.268	(6.522.261.618)	0	0	14.812.797	0	0	(5.992.534.553)
- Giảm vốn trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Phân phối lợi nhuận	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Lỗ trong kỳ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
- Giảm khác	0	0	0	0	5.660.513	506.031.660	0	85.803.822	5.051.422.401	5.648.918.396
Số dư cuối Q4/2010	637.210.610.000	2.751.236.556	746.028.449	(28.589.270.515)	(5.356.952)	5.568.888.552	9.857.172.730	0	28.566.237.429	656.105.546.249

(*) Chi tiết Cổ phiếu quỹ tại 31/12/2010:

(28.589.270.515) VND

Tại Công ty mẹ:

(24.982.480.349)

Công ty con mua cổ phiếu Công ty Mẹ:

(3.251.539.750)

Lợi ích cổ đông Công ty mẹ trong cổ phiếu quỹ tại các Công ty liên kết:

(355.250.416)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	189.000.000.000	94.500.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	448.210.610.000	225.500.000.000
Cộng	637.210.610.000	320.000.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận đã chia

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	637.210.610.000	320.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	637.210.610.000	320.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	0	0

d- Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	63.721.080	32.000.000
- Số lượng cổ phiếu sau khi phát hành	63.721.061	32.000.000
+ Số lượng cổ phiếu Nhà nước nắm giữ	18.900.000	9.450.000
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.115.180	354.620
++ Số lượng CP Công ty mẹ mua lại	978.920	278.920
++ Số lượng CP các Công ty con mua lại	136.260	75.700
+ Số lượng cổ phiếu của cổ đông khác	43.705.881	22.195.380
++ Cổ phiếu phổ thông	43.705.881	22.195.380
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62.605.881	31.645.380
++ Cổ phiếu phổ thông	62.605.881	31.645.380
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT:

Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng	12.120.475.886	43.736.357.797	69.577.168.129	82.948.749.904
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.608.473.584	16.093.126.060	54.689.778.722	66.853.422.573
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	126.560.982.661	137.573.628.721	230.042.316.911	359.356.799.055
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	212.008.466	(712.238.955)	815.644.818	226.512.536
Cộng	153.501.940.597	196.690.873.623	355.124.908.580	509.385.484.068
28- Doanh thu hoạt động tài chính				
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.576.598.476	358.105.280	8.287.353.367	1.295.615.809
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	18.908.684	(87.211.574)	626.158.684
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	112.983	1.803.795	85.070.072	3.492.288
- Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	1.867.943.700	25.920.524.650	46.287.703.815	25.920.524.650
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	32.087.784	(538.380.421)	32.087.784	592.525.588
Cộng	7.476.742.943	25.760.961.988	54.605.003.464	28.438.317.019
29- Giá vốn hàng bán				
- Doanh thu bán hàng	3.954.027.324	26.200.982.641	45.673.382.497	57.755.492.372
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.430.454.189	28.339.070.176	46.356.873.433	73.689.278.665
- Doanh thu hợp đồng xây lắp	113.540.103.812	122.488.840.774	192.910.918.755	313.356.429.472
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	76.308.839	(3.721.512.648)	213.581.359	(2.834.465.044)
Cộng	126.000.894.164	173.307.380.943	285.154.756.044	441.966.735.465
30- Chi phí tài chính				
- Lãi tiền vay ^(*)	20.353.200.648	32.540.329.088	81.538.992.111	88.958.624.575
- Chi phí hoạt động đầu tư tài chính	320.011.780	-	703.047.854	
- Chiết khấu thanh toán	-	-	-	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	524.960.000	176.607	525.025.531	18.140.378
- Lỗ do bán chứng khoán	2.700.000.000	308.139.800	2.700.000.000	308.139.800
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư				

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Chỉ tiêu	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
chứng khoán	(661.864.000)	(765.046.250)	(920.050.000)	(765.046.250)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	4.047.636.266	364.320.445	6.355.227.328	364.320.445
- Chi phí tài chính khác	(2.788.346.468)	(4.159.737.925)	(2.536.240.729)	315.803.227
Cộng	24.495.598.226	28.288.181.765	88.366.002.095	89.199.982.175

(*) Trong đó lãi tiền vay Quý 4 năm 2010 được chi tiết như sau:

	VND
- Chi phí đi vay vốn tại Công ty mẹ	12.782.094.456
- Chi phí đi vay vốn tại các Công ty con	7.571.106.192
Cộng	20.353.200.648

31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.515.726.255	10.623.697.833	7.252.561.834	17.191.975.742
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.515.726.255	10.623.697.833	7.252.561.834	17.191.975.742

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	2.910.864.585	27.685.194.186	24.911.684.051	87.730.855.629
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	0	0	0	0
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.910.864.585	27.685.194.186	24.911.684.051	87.730.855.629
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	62.605.881	31.645.380	62.605.881	31.645.380
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	46,50	874,86	397,91	2.772,31

VIII - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC:**5- Thông tin so sánh**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2010 trên Bảng cân đối kế toán được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7- Những thông tin khác:**Các nghiệp vụ chủ yếu phát sinh giữa Công ty mẹ với các bên liên quan bao gồm:****Tổng Công ty phải thu:**

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	CÔNG TY CON	187.912.771.737	125.911.740.990	100.457.569.483	213.366.943.244
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	727.947.994	129.440.925	1.103.582.282	(246.193.363)
	Kinh phí đền bù	(49.741.206)	40.800.000	335.153.082	(344.094.288)
	Cổ tức phải thu	768.429.200	78.640.925	768.429.200	78.640.925
	Phải thu khác	9.260.000	10.000.000	0	19.260.000
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	712.004.570	531.401.626	1.521.412.516	(278.006.320)
	Kinh phí đền bù	(123.763.830)	(317.646.700)	0	(441.410.530)
	Cổ tức phải thu	780.188.400	777.348.326	1.521.412.516	36.124.210
	Phải thu khác	55.580.000	71.700.000	0	127.280.000
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.323.174.162	278.764.842	1.092.861.782	509.077.222
	Kinh phí đền bù	502.441.378	62.496.000	730.353.112	(165.415.734)
	Cổ tức phải thu	629.637.827	(300.844.157)	328.793.670	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng		507.111.111		507.111.111
	Phải thu khác	191.094.957	10.001.888	33.715.000	167.381.845
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	937.429.335	328.858.531	1.395.121.066	(128.833.200)
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0	0	0	0
	Cổ tức phải thu	946.464.000	78.846.000	1.025.310.000	0
	Kinh phí đền bù	(137.487.762)	238.841.762	230.187.200	(128.833.200)
	Phải thu khác	128.453.097	11.170.769	139.623.866	0
5	Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	8.562.595.436	12.166.612.486	11.465.176.469	9.264.031.453
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	1.797.600.813	192.603.764	200.710.850	1.789.493.727
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	1.937.629.940	11.489.145.443	10.778.770.450	2.648.004.933
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	335.759.275	0	260.784.634	74.974.641
	Kinh phí đền bù	352.093.212	123.109.320	182.512.820	292.689.712
	Phải thu khác	4.139.512.196	361.753.959	42.397.715	4.458.868.440
6	Cty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	36.338.846.099	17.257.486.115	29.303.813.460	24.292.518.754
	Giao dịch liên quan đến hợp đồng mua bán vật tư	10.961.466.875	0	0	10.961.466.875
	Cổ tức phải thu	6.310.000.000	0	0	6.310.000.000
	Kinh phí đền bù	(14.408.000)	391.861.650	543.889.150	(166.435.500)
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	15.733.513.550	16.838.214.465	25.900.105.050	6.671.622.965
	Phải thu khác	3.348.273.674	27.410.000	2.859.819.260	515.864.414
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	0	0	0
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	132.085.356.739	22.148.969.110	17.086.164.761	137.148.161.088

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	92.723.152.952	0	9.884.609.292	82.838.543.660
	Phải thu khác	39.362.203.787	22.087.036.110	7.139.622.469	54.309.617.428
	Kinh phí đến bù	0	61.933.000	61.933.000	0
8	Công ty CP Đầu tư và thương mại VNECO Huế	248.018.874	0	0	248.018.874
	Phải thu khác	248.018.874	0	0	248.018.874
9	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO	6.977.398.528	69.951.457.355	37.451.411.147	39.477.444.736
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng		56.103.925.736	18.500.000.000	37.603.925.736
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	3.937.543.628	13.628.200.619	15.611.556.247	1.954.188.000
	Phải thu khác	3.039.854.900	300.000.000	3.339.854.900	0
	Kinh phí đến bù	0	(80.669.000)	0	(80.669.000)
10	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	0	3.118.750.000	38.026.000	3.080.724.000
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	3.118.750.000	38.026.000	3.080.724.000
	CÔNG TY LIÊN KẾT	29.100.366.557	52.673.672.388	44.272.584.738	37.501.454.207
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	(4.966.771.387)	8.383.304.846	10.449.758.915	(7.033.225.456)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	(5.918.540.634)	7.915.549.333	9.207.619.604	(7.210.610.905)
	Kinh phí đến bù	(206.022.120)	459.415.513	253.393.393	0
	Phải thu khác	279.676.367	8.340.000	110.630.918	177.385.449
	Cổ tức phải thu	878.115.000	0	878.115.000	0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	745.781.362	777.580.198	526.500.000	996.861.560
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	0	0	0	0
	Kinh phí đến bù	0	(213.722.500)	0	(213.722.500)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng		1.004.722.222		1.004.722.222
	Cổ tức phải thu	607.500.000	(81.000.000)	526.500.000	0
	Phải thu khác	138.281.362	67.580.476	0	205.861.838
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	1.233.381.796	12.246.015.698	1.254.702.361	12.224.695.133
	Kinh phí đến bù	230.179.383	65.751.000	286.588.580	9.341.803
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	18.083.333	12.175.750.000	0	12.193.833.333
	Phải thu khác	70.902.080	10.000.000	59.382.083	21.519.997
	Cổ tức phải thu	914.217.000	(5.485.302)	908.731.698	0
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	13.366.129.514	1.805.630.244	2.546.099.128	12.625.660.630
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	5.350.242.779	708.563.428	1.686.217.282	4.372.588.925
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	2.476.416.666	280.855.556	0	2.757.272.222
	Kinh phí đến bù	131.118.081	94.125.000	158.612.452	66.630.629
	Phải thu khác	5.408.351.988	722.086.260	701.269.394	5.429.168.854
	Cổ tức phải thu	0	0	0	0
15	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	557.195.860	512.904.000	480.000.000	590.099.860
	Kinh phí đến bù	28.071.915	2.904.000	0	30.975.915
	Cổ tức phải thu	450.000.000	30.000.000	480.000.000	0
	Phải thu khác	79.123.945	480.000.000	0	559.123.945

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên công ty	Số phải thu đầu kỳ	Số phải thu phát sinh trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Số còn phải thu cuối kỳ
16	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	18.164.649.412	28.948.237.402	29.015.524.334	18.097.362.480
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	922.384.926	18.260.755.704	21.622.071.019	(2.438.930.389)
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng		5.938.950.034	3.700.000.000	2.238.950.034
	Giá trị TSCĐ Tổng Công ty cấp	9.392.269.840	0	3.219.997.416	6.172.272.424
	Kinh phí đến bù	130.097.208	282.565.700	380.394.020	32.268.888
	Phải thu khác	7.719.897.438	4.465.965.964	93.061.879	12.092.801.523

Tổng Công ty phải trả:

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
	CÔNG TY CON	12.085.741.876	37.594.087.818	23.627.998.115	26.051.831.579
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	3.845.371.838	8.386.835.723	3.914.295.080	8.317.912.481
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.155.583.563	8.386.835.723	3.224.506.805	8.317.912.481
	Phải trả khác	689.788.275	0	689.788.275	0
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	3.549.298.523	9.046.050.431	5.178.159.508	7.417.189.446
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.528.898.523	9.046.050.431	5.157.759.508	7.417.189.446
	Phải trả khác	20.400.000	0	20.400.000	0
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	2.002.369.777	11.106.293.980	7.063.322.268	6.045.341.489
	Phải trả khác	81.450.800	0	81.450.800	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	1.920.918.977	11.106.293.980	6.981.871.468	6.045.341.489
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	2.569.483.860	5.691.646.996	4.918.443.790	3.342.687.066
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	2.569.483.860	5.691.646.996	4.918.443.790	3.342.687.066
5	Công ty CP Kết cấu thép và Mạ kẽm Meca VNECO	0	208.183.000	208.183.000	0
	Phải trả khác	0	208.183.000	208.183.000	0
6	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An	1.150.000	137.255.000	138.405.000	0
	Phải trả khác	1.150.000	137.255.000	138.405.000	0
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế	0	1.307.189.469	1.307.189.469	0
	Phải trả khác	0	178.286.076	178.286.076	0
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	0	1.128.903.393	1.128.903.393	0
8	Công ty Đầu tư và Xây dựng điện Hối Xuân VNECO	118.067.878	1.710.633.219	900.000.000	928.701.097
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	118.067.878	1.710.633.219	900.000.000	928.701.097
	CÔNG TY LIÊN KẾT	12.458.540.532	51.143.784.117	33.106.107.678	30.496.216.971
9	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	0	0	0	0
	Giao dịch liên quan thu xếp tín dụng	0	0	0	0
10	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	4.525.536.465	10.972.301.541	8.520.784.810	6.977.053.196
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	4.525.536.465	10.972.301.541	8.520.784.810	6.977.053.196
11	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	4.559.626.381	7.698.567.314	6.088.533.195	6.169.660.500
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	4.559.626.381	7.698.567.314	6.088.533.195	6.169.660.500
	Phải trả khác	0	0	0	0
12	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	0	30.196.981.000	16.196.981.000	14.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 234 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Tel: 0511.3562361

Fax: 0511.3562367

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán kết thúc tại ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

TT	Tên Công ty	Số phải trả đầu kỳ	Số phải trả phát sinh trong kỳ	Số đã trả trong kỳ	Số còn phải trả cuối kỳ
	Phải trả khác	0	30.196.981.000	16.196.981.000	14.000.000.000
13	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.373.377.686	2.211.088.813	2.234.963.224	3.349.503.275
	Giao dịch liên quan hợp đồng xây dựng	3.373.377.686	2.211.088.813	2.234.963.224	3.349.503.275
14	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	0	64.845.449	64.845.449	0
	Phải trả khác	0	64.845.449	64.845.449	0

GIẢI TRÌNH CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Theo Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 4 năm 2010, VNECO xin giải trình những chỉ tiêu có biến động tăng, giảm so với cùng kỳ năm 2009:

1- Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh giảm:

Quý 4 năm 2009: 196.690.873.623 đồng

Quý 4 năm 2010: 153.501.940.597 đồng

Giảm: 43.188.933.026 đồng - tương đương 21,96%

Nguyên nhân: Doanh thu giảm do các công trình rất khó khăn trong việc giải phóng mặt bằng thi công vì vậy các hạng mục công trình xây lắp điện chưa hoàn thành đến các điểm dừng kỹ thuật, chưa thể nghiệm thu khối lượng với chủ đầu tư vì vậy việc xuất hóa đơn ghi nhận doanh thu trong kỳ thấp.

2- Lợi nhuận gộp tăng:

Quý 4 năm 2009: 23.383.492.680 đồng

Quý 4 năm 2010: 27.501.046.433 đồng

Tăng: 4.117.553.753 đồng - tương đương 17,61%

Nguyên nhân: Doanh thu thuần giảm 21,96% so với cùng kỳ năm ngoái nhưng do giá vốn giảm 27,30% đã làm cho lợi nhuận gộp tăng 17,61%.

3- Doanh thu hoạt động tài chính giảm:

Quý 4 năm 2009: 25.760.961.988 đồng

Quý 4 năm 2010: 7.476.742.943 đồng

Giảm: 18.284.219.045 đồng - tương đương 70,98%

Nguyên nhân: Doanh thu hoạt động tài chính giảm do Quý 4/2009 VNECO thoái vốn tại một số công ty con và liên kết vì vậy làm cho thu nhập hoạt động tài chính quý 4/2009 cao hơn doanh thu hoạt động tài chính quý 4/2010 là 70,98%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4- Chi phí tài chính giảm:

Quý 4 năm 2009: 28.288.181.765 đồng

Quý 4 năm 2010: 24.495.598.226 đồng

Giảm: 3.792.583.539 đồng - tương đương 13,41%

Nguyên nhân: Chi phí tài chính giảm so với cùng kỳ năm ngoái là 13,41% do VNECO thực hiện tái cơ cấu lại nguồn vốn, thực hiện trả nợ vốn vay ngân hàng làm cho lãi vay vốn giảm tương đối.

Các nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ Quý 4 năm 2010 (trước kiểm toán) giảm so với Quý 4 năm 2009 (sau kiểm toán) là 24.774.329.601 đồng, tương đương 89,49%.

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 02 năm 2011

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quang Cần

Phan Anh Quang

Đoàn Đức Hồng

